

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS- ST
Ngày: 21/02/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đình Tâm, Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST- DS, ngày 23 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M1

Địa chỉ: LK&-32, Sài Gòn Mystery Villas N, đường N, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền T; chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B - chức vụ: Phó Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng B: Ông Nguyễn Thế V - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng G tòa nhà V, Số G D, quận C, thành phố Hà nội.

- Bị đơn: Chị Lê Vũ Trà M - sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. (Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2023 của Ngân hàng TMCP V1 (V2) và bản tự khai ngày 31/12/2023 của đại diện Công ty TNHH M1 (GalaxyDT) trình bày: Ngân hàng V1 có cho chị Lê Vũ Trà M vay ba lần cụ thể như sau:

Lần 1: Theo Hợp đồng vay LD2129901290 ngày 26/10/2021 Ngân hàng V1 cho chị Lê Vũ Trà M vay số tiền 65.000.000đ (Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng), mục

đích vay để phục vụ nhu cầu đời sống với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V2 quy định qua từng thời kỳ, lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lần 2: Hợp đồng cho vay LN2201175100190 ngày 20/01/2020 số tiền vay 526.00.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi sáu triệu đồng); thời hạn vay 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu MG (MORRIS GARAGES), NEW MG ZS LUXURY, 1,5L 2WD AT sản xuất ,mới 100%; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9%/năm (Lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày), Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân, mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kì hạn 96 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) Biên độ 3,6%/năm. Lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc bằng 150%. Để đảm bảo khoản tiền vay giữa chị Lê Vũ Trà M và nhân hàng đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2201175100190 ngày 20/01/2022. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Lần 3: Hợp đồng cho vay LD2215800179 ngày 07/06/2022 số tiền cho vay 75.000.000 đồng (Bằng chữ: bảy mươi lăm triệu đồng), mục đích cho vay: phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn cho vay: 36 tháng, lãi suất trong hạn áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V2 quy định qua từng thời kỳ, lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 16/12/2022 chị Lê Vũ Trà M đã vi phạm về thanh toán hợp đồng, Ngân hàng đã yêu cầu chị M trả nợ nhiều lần nhưng chị M đã trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, ngày 18/5/2023 Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành để yêu cầu chị Lê Vũ Trà M trả nợ. Ngày 30/6/2023 Ngân hàng V1 đã ký hợp đồng bán các khoản nợ của chị Lê Vũ Trà M cho Công ty TNHH M1 nợ GALAXY theo hợp đồng mua bán nợ số 03-30/6/2023/GLX-VPB ngày 30/6/2023 và phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty M1 (GalaxyDT), theo đó V2 đồng ý bán và GalaxyDT đồng ý mua các khoản nợ của khách hàng vay là chị Lê Vũ Trà M đã ký kết với V2.

Theo hợp đồng giữa Công ty TNHH M1 và ngân hàng V1, Công ty TNHH M1 trở thành nguyên đơn để khởi kiện yêu cầu chị Lê Vũ Trà M thanh toán các khoản nợ mà Công ty TNHH M1 đã mua của Ngân hàng V1. Ngày 30/10/2023 Tòa án nhân dân

huyện Thạch Thành đã có thông báo thay đổi tư cách tham gia tố tụng, theo đó kể từ ngày 30/10/2023, tư cách tham gia tố tụng trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số: 58 /2023/TLST- DS sẽ là:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH M1**

Địa chỉ: **L -32, Mystery Villas N, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bị đơn: **Chị Lê Vũ Trà M** - sinh năm: 1994.

Địa chỉ: **Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

Theo yêu cầu khởi kiện, chị **Lê Vũ Trà M** đã vay vốn của **V2** ba lần với tổng số tiền là 666.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số LD2129901290 ngày 26/10/2021; Hợp đồng tín dụng số LD2215800179 ngày 07/6/2022 và Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN22011175100190 ngày 20/01/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị **Lê Vũ Trà M** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/12/2022. Bên **Công ty TNHH M1** đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để chị **M** thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng chị **M** không thực hiện. Dư nợ tạm tính đến ngày 21/02/2024 là: Nợ gốc: 572.346.869đ (Năm trăm bảy hai triệu ba trăm bốn sáu nghìn tám trăm sáu chín đồng) ; nợ lãi 168.584.059đ (Một trăm sáu tám triệu năm trăm tám mươi tư nghìn không trăm năm chín đồng)

Tổng cả tiền nợ gốc và tiền lãi là: 740.930.928đ (Bảy trăm bốn mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

Công ty TNHH M1 yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Yêu cầu Tòa án buộc chị **Lê Vũ Trà M** phải trả cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2024 là: Nợ gốc: 572.346.869đ (Năm trăm bảy hai triệu ba trăm bốn sáu nghìn tám trăm sáu chín đồng) ; nợ lãi 168.584.059đ (Một trăm sáu tám triệu năm trăm tám mươi tư nghìn không trăm năm chín đồng)

Tổng cả tiền nợ gốc và tiền lãi là: 740.930.928đ (Bảy trăm bốn mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn chín trăm hai mươi tám đồng) và các khoản phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến ngày chị **Lê Vũ Trà M** thanh toán hết nợ cho GalaxyDT. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án với nội dung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị **Lê Vũ Trà M** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đã nêu ở trên thì GalaxyDT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô, nhãn hiệu MG (MORRIS GARAGES), NEW MG ZS LUXURY 1.5L, 2WD, AT sản xuất mới 100%, khung số MMLW74U64MG040306; số máy: 15S4CCTTMB290058; biển kiểm soát 36A-73242 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của chị **Lê Vũ Trà M** theo Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN22011175100190 ngày 20/01/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị **M** nhưng chị **M** đã rời khỏi địa phương, đi đâu, làm gì Chính quyền địa phương

không được báo cáo và hiện nay không rõ địa chỉ nên không thể tổng đạt được các văn bản tố tụng cho chị M. Do đó trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chị M rời khỏi địa phương không thông báo cho chính quyền địa phương và phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn, đây được coi là cố tình giấu địa chỉ nên việc Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị M phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH M1 và chị Lê Vũ Trà M đang tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” do chị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là B1) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Lê Vũ Trà M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Chị Lê Vũ Trà M đã rời khỏi địa phương đến nay không rõ địa chỉ. Việc chị M thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Chính quyền địa phương cũng như không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với phía nguyên đơn. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, Điều 6 nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của chị M nhưng nguyên đơn không thể xác định được địa chỉ mới của chị M và đã đề nghị Tòa án hỗ trợ về việc giao gửi tài liệu cho bị đơn theo khoản 9 Điều 70 của BLTTDS. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng do chị M không có mặt tại địa phương và không rõ địa chỉ cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai toàn bộ các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị M và đã niêm yết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị M theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Do chị M vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa

giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ chị **M** lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng chị **M** vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị **M**.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của các hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, các hợp đồng mà **ngân hàng V1** (Nay là **Công ty TNHH M1** và chị **M** có giá trị pháp lý và bắt buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng.

[3] Về Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN22011175100190 ngày 20/01/2022; Hợp đồng tín dụng số LD2129901290 ngày 26/10/2021 và Hợp đồng tín dụng số LD2215800179 ngày 07/6/2022: Nội dung của hợp đồng thể hiện rõ về sự thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay, hình thức bảo đảm tiền vay. Nguyên đơn đã giao đủ tiền cho phía chị **M**. Chị **M** đã để nợ quá hạn kéo dài từ ngày 16/12/2022 đến nay không thanh toán tiền gốc và tiền lãi, như vậy chị **M** đã vi phạm nghĩa vụ như thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị **M** nhưng chị **M** không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu chị **M** phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 21/02/2024 là: Nợ gốc: 572.346.869đ (Năm trăm bảy hai triệu ba trăm bốn sáu nghìn tám trăm sáu chín đồng) ; nợ lãi 168.584.059đ (Một trăm sáu tám triệu năm trăm tám mươi tư nghìn không trăm năm chín đồng)

Tổng cả tiền nợ gốc và tiền lãi là: 740.930.928đ (Bảy trăm bốn mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn chín trăm hai mươi tám đồng) và các khoản phát sinh theo ba hợp đồng nêu trên. Ngày 21/02/2024 nguyên đơn giao nộp bảng tính dư nợ của chị **Lê Vũ Trà M** yêu cầu chị **M** trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 740.930.928đ (Bảy trăm bốn mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn chín trăm hai mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 572.346.869đ (Năm trăm bảy hai triệu ba trăm bốn sáu nghìn tám trăm sáu chín đồng) ; nợ lãi 168.584.059đ (Một trăm sáu tám triệu năm trăm tám mươi tư nghìn không trăm năm chín đồng). Yêu cầu tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến ngày chị **Lê Vũ Trà M** thanh toán hết nợ cho nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hợp đồng thế chấp động sản. Để đảm bảo khoản nợ vay, chị **M** có ký hợp đồng thế chấp động sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ là 01 xe ô tô, nhãn hiệu MG (MORRIS GARAGES), NEW MG ZS LUXURY 1.5L, 2WD, AT sản xuất mới 100%, khung số MMLW74U64MG040306; số máy: 15S4CCTTMB290058; biển kiểm soát 36A-73242 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của chị **Lê Vũ Trà M**. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu chị **M** không trả nợ được nợ cho nguyên đơn thì giao tài sản thế chấp phát mãi thu hồi nợ cho nguyên đơn theo quy định là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là $20.000.000 + (340.930.928 \times 4\%) = 33.637.237$ đồng (Ba ba triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm ba bảy đồng). Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và 212 Khoản 1 Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 280, 292, 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, khoản 1 Điều 351, Điều 365, Điều 368, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 74, Điều 147; Khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N); Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 1 Điều 6, điểm b, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M1.

2. Buộc chị Lê Vũ Trà M phải trả cho Công ty TNHH M1 tổng số tiền là nợ gốc: 572.346.869đ (Năm trăm bảy hai triệu ba trăm bốn sáu nghìn tám trăm sáu chín đồng); tiền lãi 168.584.059đ (Một trăm sáu tám triệu năm trăm tám mươi tư nghìn không trăm năm chín đồng)

Tổng cả tiền nợ gốc và tiền lãi là: **740.930.928đ** (Bảy trăm bốn mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn chín trăm hai mươi tám đồng)

Kể từ ngày 21/02/2024, chị M còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH M1 khoản tiền lãi theo các hợp đồng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số nợ trên cho Công ty TNHH M1

3. Trường hợp chị Lê Vũ Trà M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của mình thì phía Công ty TNHH M1 có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu MG (MORRIS GARAGES), NEW MG ZS LUXURY 1.5L, 2WD, AT sản xuất mới 100%, khung số MMLW74U64MG040306; số máy: 15S4CCTTMB290058; biển kiểm soát 36A-73242 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của chị Lê Vũ Trà M để thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Chị **Lê Vũ Trà M** phải chịu 33.637.237 đồng (Ba ba triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm ba bảy đồng) tiền án phí DSST.

- Trả lại cho **Ngân hàng V1** (Nay là **Công ty TNHH M1**) số tiền là 14.360.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0008078 ngày 19/6/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

